

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-PT

Ngày 25-7-2022

“Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Luông;
Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương;
Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Hà Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc V, S ngày 30/12/1962, địa chỉ thường trú: Số 8/5, tổ 3B, quốc lộ 13, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B, địa chỉ liên lạc: tổ 4, ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh B.

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1981, địa chỉ thường trú: số 46J, đường Nguyễn Văn Lung, ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; địa chỉ thường trú: Số 8/5, tổ 3B, quốc lộ 13, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1986;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ thường trú: Số 8/5, tổ 3B, quốc lộ 13, khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn N.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V trình bày: Bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Văn N kết hôn vào ngày 21/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh V; đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 558/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Về tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân:

- Diện tích đất 184m², gồm các thửa 466, 467, tờ bản đồ số 01 (do đạc thực tế là 120,7m²) tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 833856, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04200 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp cho ông Nguyễn Văn N ngày 27/02/2012. Phần đất này do ông N nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị Nh vào năm 2012.

- Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, gắn liền là hàng rào bằng lưới B40 và cổng sắt, do bà V và ông N xây dựng vào năm 2012.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Nguyên đơn xác định nhà, đất là tài sản chung, hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Bà V yêu cầu được nhận 1/2 giá trị tài sản chung.

Bị đơn xác định căn nhà là tài sản chung, diện tích đất là tài sản riêng của bị đơn. Ông N cho rằng diện tích đất được mua bằng số tiền bán tài sản của ông và bà Lê Thị Kim Tươi (vợ trước của ông, đã mất năm 1986).

Ông N không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của bà V bởi các lý do:

- Phần đất xây dựng nhà là tài sản riêng của ông N.

- Bà V có đóng góp 12 chỉ vàng lúc xây dựng nhà, sau này ông đã trả lại cho bà V; trước khi ly hôn, ông đã đồng ý cho bà V lấy toàn bộ tài sản có giá trị như: tủ lạnh, bàn ghế, máy điều hòa, máy nước nóng, bàn ông địa, tủ ly, tủ quần áo, tủ dép và 01 chiếc xe mô tô giá trị 14.000.000 đồng.

- Ngoài nhà, đất đã kê khai, ông và bà V còn có tài sản khác là đất, trước khi ly hôn, vào năm 2013 và 2016 đã bán cho người khác, tiền bán đất giao hết cho bà V sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị Mỹ P có đơn xin giải quyết vắng mặt, có văn bản trình bày: Thông

nhất với lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn N, không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia tài sản của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Nhẹ.

Công nhận tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 466 có diện tích 82m² (đo đạc thực tế 44m²) và thửa 467 có diện tích 102m² (đo đạc thực tế 76.7m²) thuộc tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 97m², mái tole nền xi măng diện tích 25m², hàng rào tường xây lưới B40 diện tích 15.54m², cổng sắt diện tích 4,785m² được xây dựng trên thửa 466 và thửa 467 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Văn N.

Giao ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng quyền sử dụng đất thuộc thửa 466 có diện tích 82m² (đo đạc thực tế 44m²) và thửa 467 có diện tích 102m² (đo đạc thực tế 76.7m²) thuộc tờ bản đồ số 1; tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B và 01 căn nhà cấp 4 kèm mái tole nền xi măng, hàng rào tường xây lưới B40, cổng sắt (có bản vẽ kèm theo)

Kết cấu nhà cấp 04: Nền lát gạch men, có gác gỗ, trần nhà bằng tole, cửa nhà bằng kính khung sắt.

Ông Nguyễn Văn N có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất được giao theo quy định.

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ hoàn lại bà Nguyễn Ngọc V số tiền 351.889.150 đồng (ba trăm năm mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu lãi suất khi chậm thi hành án, nghĩa vụ nộp án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/4/2022 bị đơn nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm; tài sản tranh chấp là tài sản riêng của ông N và ông là người cao tuổi nhưng bản án buộc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 20/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 39/2022/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị 1 phần Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại phần nghĩa vụ án phí của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị thực hiện trong thời hạn luật định và hợp lệ; những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của TAND thị xã Bến Cát được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm nhận định căn nhà cấp 4 và diện tích hai thửa đất 466, 467, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B, là tài sản chung giữa ông N, bà V là có cơ sở. Khi phân chia Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét công sức đóng góp, nguồn gốc hình thành tài sản và chia cho ông N phần nhiều hơn là hợp lý.

Đối với phần án phí sơ thẩm: Tại thời điểm giải quyết vụ án ông N đã hơn 60 tuổi; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 2 Luật Người cao tuổi, ông N là đối tượng được miễn án phí khi tham gia tố tụng, Bản án sơ thẩm buộc ông N phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng miễn án phí sơ thẩm cho đương sự.

Đối với bà V, tại thời điểm giải quyết vụ án đương sự chưa đủ 60 tuổi, không thuộc đối tượng được miễn án phí, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút một phần kháng nghị đối với phần nghĩa vụ chịu án phí của bà V, không miễn án phí hôn nhân gia đình cho nguyên đơn bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông S, bà P có đơn yêu cầu xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Ông N, bà V kết hôn năm 2009 và ly hôn vào tháng 11/2020, việc kết hôn và chấm dứt quan hệ hôn nhân đúng quy định pháp luật.

Tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, gồm:

Thửa đất số 466, 467, có diện tích 184m², tờ bản đồ số 01 (do đạc thực tế là 120,7m²) tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B; trên đất có 01 căn nhà cấp 4, gắn liền là hàng rào bằng lưới B40 và cổng sắt, xây dựng vào năm 2012.

Nguyên đơn, bị đơn đều xác định nhà, đất hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Theo nguyên đơn, đây là tài sản chung, nên yêu cầu được chia 1/2. Bị đơn xác định chỉ có căn nhà là tài sản chung, nhưng đã phân chia trước khi ly hôn; đất cát nhà là tài sản của bị đơn nhận chuyển nhượng vào năm 2012. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Do đó, có căn cứ để xác định: Căn nhà cấp 4 và diện tích đất thuộc thửa 466, 467, tờ bản đồ số 01, diện tích 184,0 m², tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông N và bà V. Quyết định bản án sơ thẩm về phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa Nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ, là đúng pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đối với Quyết định kháng nghị số 39/2022/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Tại thời điểm giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N đã hơn 60 tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu 21.455.166 đồng, tiền án phí sơ thẩm là không đúng pháp luật. Bà Nguyễn Ngọc V S ngày 30/12/1962, tại thời điểm giải quyết vụ án bà V chưa đủ 60 tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải chịu 15.094.457 đồng, tiền án phí DSST là đúng pháp luật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Điều 2 Luật Người cao tuổi. Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có cơ sở chấp nhận một phần.

Ngoài ra, trong phần nhận định và phần quyết định của bản án sơ thẩm đã xác định sai diện tích cổng sắt, cụ thể diện tích cổng sắt là 4,785m² nhưng Bản án sơ thẩm lại ghi thành 4.785m² (trang 9, dòng thứ 5, từ dưới lên và trang 10, dòng thứ 14, từ dưới lên của bản án sơ thẩm). Sự nhầm lẫn này sẽ gây khó khăn khi bản án có hiệu lực thi hành, do đó cần được đính chính tại bản án phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đối với phần nội dung chia tài sản chung sau khi ly hôn, như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc V về việc tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn N.

Công nhận tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 466 có diện tích 82m² (đo đạc thực tế 44m²) và thửa 467 có diện tích 102m² (đo đạc thực tế 76,7m²) thuộc tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 97m², mái tole nền xi măng diện tích 25m², hàng rào tường xây lưới B40 diện tích 15,54m², cổng sắt diện tích 4,785m² được xây dựng trên thửa 466 và thửa 467 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Ngọc V và ông Nguyễn Văn N.

Giao ông Nguyễn Văn N được quyền sử dụng quyền sử dụng đất thuộc thửa 466 có diện tích 82m² (đo đạc thực tế 44m²) và thửa 467 có diện tích 102m² (đo đạc thực tế 76,7m²) thuộc tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại khu phố 5, phường M, thị xã B, tỉnh B và 01 căn nhà cấp 4 diện tích 97m², mái tole nền xi măng diện tích 25m², hàng rào tường xây lưới B40 diện tích 15,54m², cổng sắt diện tích 4,785m² được xây dựng trên thửa 466 và thửa 467. Kết cấu nhà cấp 04: Nền lát gạch men, có gác gỗ, trần nhà bằng tole, cửa nhà bằng kính khung sắt. (có bản vẽ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn N có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để lập thủ tục đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất được giao theo quy định.

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ hoàn lại bà Nguyễn Ngọc V số tiền 351.889.150 đồng (ba trăm năm mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông N có trách nhiệm thanh toán lại cho bà V số tiền 1.966.864 đồng.

2. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 39/2022/QĐKNPT-VKS-DS, ngày 20/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 25/3/2022 về phần án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm như sau:

Bà Nguyễn Ngọc V phải nộp 17.594.457 đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054355 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát. Bà Nguyễn Ngọc V còn phải nộp thêm 15.094.457 đồng (mười lăm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng).

Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn N.

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- TAND thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Văn Luông